TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v tranh chấp Hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị M.

2. Ông Lê Văn Nh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 97/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc "tranh chấp Hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1951, địa chỉ: Ấp BT, xã B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1983;

2.2. Ông Trương Tấn Kh, sinh năm 1980;

2.3. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Ấp BT, xã B, huyện M, tỉnh L.

Bà Qu, bà Ng và ông Kh có mặt; bà B1 vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Qu: Bà Nguyễn Thị Qu yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Trương Tấn Kh và bà Lê Thị B1 phải liên đới trả cho bà Qu số tiền hụi là 73.000.000 đồng; yêu cầu phải trả lãi theo lãi suất 0,83%/tháng; yêu cầu trả một lần.

Đề nghị của bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trương Tấn Kh: Bà Ng và ông Kh thừa nhận nợ số tiền hụi là 73.000.000 đồng; xin trả số tiền gốc; xin không trả lãi và xin trả nhiều lần.

Đề nghị của bà Lê Thị B1: Bà B1 vắng mặt, có ý kiến là chỉ nhận tiền hụi giùm cho con trai là ông Kh và con dâu là bà Ng, bà B1 không tham gia hụi của bà Qu nên không đồng ý liên đới trả nợ hụi.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Qu: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), các giấy hụi (bản chính), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trương Tấn Kh: Lời trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trương Tấn Kh trình bày thống nhất:

Bà Qu có làm chủ thảo các dây hụi, bà Ng và ông Kh có tham gia hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000đ khui ngày 21/2/2015 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi năm khui hai lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch) và Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch); hụi đến năm 2023 âm lịch mới mãn; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 8 ngày 21/12/2018 âm lịch; số tiền hụi bà Ng, ông Kh phải đóng lại là 09 kỳ; bà Ng và ông Kh vi phạm đóng hụi là 06 kỳ gồm x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng; còn lại 03 kỳ chưa đóng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 3.000.000đ khui ngày 26/7/2015 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi năm khui ba lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch) và Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch) và tháng 11 âm lịch (khoảng cuối tháng 12 dương lịch); hụi đã mãn vào năm 2021; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 7, ngày 01/7/2017

âm lịch; số tiền hụi bà Ng và ông Kh phải đóng lại là 10 kỳ; bà Ng và ông Kh đóng được 04 kỳ, vi phạm đóng hụi là 06 kỳ x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi 5.000.000đ khui ngày 15/8/2016 âm lịch, gồm 14 phần, mỗi năm khui ba lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch) và Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch) và tháng 11 âm lịch (khoảng cuối tháng 12 dương lịch); hụi đã mãn; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 9, khoảng tháng 4/2019; số tiền hụi bà Ng và ông Kh phải đóng lại là 05 kỳ, bà Ng và ông Kh vi phạm đóng hụi 05 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

Bà Qu và bà Ng, ông Kh thống nhất số tiền hụi phải đóng của ba dây hụi tính đến ngày xét xử 31/3/2022 là 73.000.000 đồng; thống nhất cách tính thời gian là vụ Đông – Xuân khoảng cuối tháng 4 dương lịch, Hè – Thu khoảng cuối tháng 8 dương lịch và tháng 11 âm lịch khoảng cuối tháng 12 dương lịch.

Bà Qu và bà Ng, ông Kh xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Qu và bà Ng, ông Kh đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

Bà Qu và bà Ng, ông Kh trình bày không thống nhất:

Bà Qu yêu cầu bà Ng, ông Kh và bà B1 liên đới trả cho bà Qu. Bà Ng, ông Kh và bà B1 chỉ đồng ý việc bà Ng và ông Kh liên đới trả cho bà Qu.

Bà Qu yêu cầu bà Ng và ông Kh trả lãi; bà Ng và ông Kh xin không trả lãi.

Bà Qu yêu cầu bà Ng và ông Kh trả một lần; bà Ng và ông Kh xin trả nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hụi" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Trương Tấn Kh và bà Lê Thị B1 có địa chỉ tại xã B, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Lê Thị B1: Bà Lê Thị B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bà B1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B1.

[3]. Về nghĩa vụ liên đới:

[3.1]. Xét thấy, bà B1 không tham gia hụi của bà Qu; bà B1 là người nhận tiền hụi giùm bà Ng và ông Kh; bà B1 đã giao đủ tiền hụi cho bà Ng và ông Kh. Cho nên, yêu cầu của bà Qu buộc bà B1 liên đới bà Ng và ông Kh trả nợ hụi cho bà Qu là không có căn cứ.

[3.2]. Bà Ng và ông Kh đồng ý liên đới trả cho bà Qu là có căn cứ chấp nhận do hai người là vợ chồng cùng chung sống, số tiền hụi để phát triển kinh tế gia đình và sinh hoạt chung.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Qu:

[4.1]. Bà Nguyễn Thị Qu khởi kiện và cung cấp chứng cứ là các giấy hụi; bà Ng và ông Kh thừa nhận lời trình bày và chứng cứ của bà Qu; đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Qu nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà Qu cung cấp và lời trình bày thừa nhận của bà Ng và ông Kh để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2]. Theo nội dung các biên nhận tiền hụi và lời thừa nhận của bà Ng và ông Kh thì bà Ng và ông Kh có tham gia ba dây hụi do bà Qu làm chủ, gồm:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000đ khui ngày 21/2/2015 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi năm khui hai lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch) và Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch); hụi đến năm 2023 âm lịch mới mãn; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 8 ngày 21/12/2018 âm lịch; số tiền hụi bà Ng, ông Kh phải đóng lại là 09 kỳ; bà Ng và ông Kh vi phạm đóng hụi là 06 kỳ gồm x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng; còn lại 03 kỳ chưa đóng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 3.000.000đ khui ngày 26/7/2015 âm lịch, gồm 17 phần, mỗi năm khui ba lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch) và Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch) và tháng 11 âm lịch (khoảng cuối tháng 12 dương lịch); hụi đã mãn vào năm 2021; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 7, ngày 01/7/2017

âm lịch; số tiền hụi bà Ng và ông Kh phải đóng lại là 10 kỳ; bà Ng và ông Kh đóng được 04 kỳ, vi phạm đóng hụi là 06 kỳ x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi 5.000.000đ khui ngày 15/8/2016 âm lịch, gồm 14 phần, mỗi năm khui ba lần vào vụ Đông – Xuân (cuối tháng 4 dương lịch), Hè – Thu (cuối tháng 8 dương lịch) và tháng 11 âm lịch (khoảng cuối tháng 12 dương lịch); hụi đã mãn; bà Ng và ông Kh hốt hụi vào kỳ thứ 9, khoảng tháng 4/2019; số tiền hụi bà Ng và ông Kh phải đóng lại là 05 kỳ, bà Ng và ông Kh vi phạm đóng hụi 05 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

[4.3]. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Qu đối với bà Ng và ông Kh, buộc bà Ng và ông Kh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Qu số tiền hụi phải đóng của ba dây hụi tính đến ngày xét xử 31/3/2022 là 73.000.000 đồng.

[5]. Về yêu cầu tính lãi của bà Qu:

[5.1]. Xét thấy bà Ng và ông Kh vi phạm nghĩa vụ đóng hụi sau khi đã hốt hụi; các dây hụi này đều phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 27; lãi suất phù hợp quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà Qu có căn cứ chấp nhận.

[5.2]. Số tiền lãi được tính như sau:

Dây hụi thứ nhất:

+ 5.000.000 đồng x 35 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 1.452.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 31 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 1.286.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 23 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 954.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 19 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 788.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 11 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2021 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 456.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 07 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2021 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 290.500 đồng.

Số tiền lãi dây hụi thứ nhất là 5.229.500 đồng.

Dây hụi thứ hai:

+ 3.000.000 đồng x 35 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 871.500 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 31 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 771.900 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 27 tháng tính tròn (từ cuối tháng 12/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 672.300 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 23 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 572.700 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 19 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 473.100 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 15 tháng tính tròn (từ cuối tháng 12/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 373.500 đồng.

Số tiền lãi của dây hụi thứ hai là 3.735.000 đồng.

Dây hụi thứ ba:

+ 5.000.000 đồng x 31 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 1.286.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 27 tháng tính tròn (từ cuối tháng 12/2019 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 1.120.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 23 tháng tính tròn (từ cuối tháng 4/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 954.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 19 tháng tính tròn (từ cuối tháng 8/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 788.500 đồng.

+ 5.000.000 đồng x 15 tháng tính tròn (từ cuối tháng 12/2020 đến ngày xét xử 31/3/2022) x 0,83%/tháng = 622.500 đồng.

Số tiền lãi của dây hụi thứ ba là 4.772.500 đồng.

Số tiền lãi của ba dây hụi là: 5.229.500 đồng + 3.735.000 đồng + 4.772.500 đồng = 13.737.000 đồng.

[6]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà Qu yêu cầu trả một lần; bà Ng và ông Kh không đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Trương Tấn Kh và bà Lê Thị B1 phải liên đới chịu số tiền 4.337.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Qu là người cao tuổi không phải chịu án phí, không phải nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Qu về nghĩa vụ liên đới đối với bà Lê Thị B1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hụi của bà Nguyễn Thị Qu đối với bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trương Tấn Kh, buộc bà Ng và ông Kh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Qu số tiền nợ hụi là 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng và tiền lãi là 13.737.000 (mười ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Tổng cộng là 86.737.000 (tám mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn) đồng.

2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trương Tấn Kh phải liên đới chịu số tiền 4.337.000 (bốn triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Qu không phải chịu án phí, do bà Qu là người cao tuổi, không nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1